

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPBANK
LPBANK SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 4.99/2026/BC-LPBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, August 20, 2026

BÁO CÁO/REPORT

KẾT QUẢ PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM RESULTS OF THE DISTRIBUTION OF COVERED WARRANTS

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 369/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/08/2026)

(Certificate of registration for offering covered warrants No. 369/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 11/08/2026)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: State Securities Commission**

Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank

Name of issuing organization: LPBank Securities Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, TP. Hồ Chí Minh

Head office address: 4th Floor, 257 Dien Bien Phu Office Building, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Số điện thoại/Phone number: (028)7309 8198 Số Fax/Fax number: (028)3514 6799

Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có

Name and address of the underwriting organization (if any): None

I. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm phát hành/Information about the issued covered warrants

1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm/Information about covered warrants

- Tên chứng quyền: Chứng quyền VIB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/47
- Name of the covered warrant: VIB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/47 Covered Warrant
- Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
- Code of covered warrant (in case of supplementary issuance announcement): None
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VIB
- Name (code) of the underlying security: VIB
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam
- Issuer of the underlying securities: Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- Loại chứng quyền: Chứng quyền Mua
- Type of warrant: Call Warrant



- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- *Type of exercise: A warrant under which the warrant holder may exercise the rights only on the expiry date*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (Việt Nam đồng)
- *Settlement Method: Cash-settled warrant (VND)*
- Thời hạn: **6 tháng**
- *Duration: 6 months*
- Ngày đáo hạn: 15/02/2027
- *Expiration date: February 15, 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: **2:1**
- *Conversion ratio: 2:1*
- Giá thực hiện: **16.000 đồng**
- *Exercise price: VND 16,000*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 13.750.000.000 đồng
- *Value of Settlement Collateral: VND 13,750,000,000*

2. Thông tin đợt chào bán/*Information on the offering*

- Ngày bắt đầu chào bán: 14/08/2026
- *Start date of sales: August 14, 2026*
- Ngày hoàn thành phân phối: 19/08/2026
- *Date of completion of distribution: August 19, 2026*
- Thời gian nhận đăng ký mua: **Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.**
- *Registration period for purchase: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày thanh toán tiền mua chứng quyền: Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.
- *Payment date for warrants: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày kết thúc chuyển giao chứng quyền: 19/08/2026
- *Date of completion of warrant transfer: August 19, 2026*

II. Kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/*Results of the distribution of covered warrants*

Đối tượng mua chứng quyền <i>Buyers of warrants</i>	Giá chào bán (đồng/ chứng quyền) <i>Offering price (VND/warrant)</i>	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Number of warrants offered</i>	Số lượng chứng quyền đăng ký mua <i>Number of warrants subscribed for purchase</i>	Số lượng chứng quyền được phân phối <i>Number of warrants of distributed</i>	Số người đăng ký mua <i>Number of people who registered to buy</i>	Số người được phân phối <i>Number of people allocated</i>	Số chứng quyền chưa phân phối <i>Number of undistributed warrants</i>	Tỷ lệ chứng quyền phân phối <i>Distribution warrant ratio</i>
1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó: <i>1. Individual investors, including:</i>	1.068	11.000.000	0	0	0	0	11.000.000	0 %
- Nhà đầu tư trong nước <i>- Domestic investors</i>			0	0	0	0		0 %
- Nhà đầu tư nước ngoài <i>- Foreign investors</i>			0	0	0	0		0 %

